

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:139/2020/DS-PT

Ngày: 29-9-2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng dịch vụ
tưới tiêu”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng

Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số:184/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020; về việc tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ tưới tiêu”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2020/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020, của Toà án nhân dân huyện CP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2020/QĐPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn:

1.1 Ông Lương Văn M, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp BD, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

1.2 Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp BX, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

1.3 Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1958; nơi cư trú: ấp BD, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

1.4 Ông Diệp Khắc C, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp VB, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

1.5 Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp LC, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Lương Văn M theo giấy ủy quyền ngày 06/3/2020 chứng thực tại UBND xã TMT, huyện CP. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thiện L, sinh năm 1966, nơi cư trú: tổ 1, ấp BX, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp HT, xã ĐHC, huyện CP (Theo văm bản ủy quyền lập ngày 14/9/2020) (có mặt)

Người kháng cáo: ông Nguyễn Thiện L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn ông Lương Văn M cũng là đại diện các nguyên đơn khác trình bày: Theo hợp đồng hợp tác ngày 05/01/2019, tổ hợp tác HĐ gồm có các thành viên: Lương Văn M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn B, Diệp Khắc C, Nguyễn Văn N.

Tổ hợp tác HĐ phụ trách phục vụ tưới tiêu cho những hộ dân có đất nông nghiệp trên địa bàn tiểu vùng kênh 11 – kênh 13. Trong đó có ông Nguyễn Thiện L canh tác 41.600m² đất trồng lúa trên địa bàn tổ hợp tác phục vụ tưới tiêu không trả phí dịch vụ cho tổ hợp tác, tính từ vụ đông xuân 2014 cho đến cuối vụ thu đông năm 2019 là ông L nợ số tiền 67.392.000đ.

Nay tổ hợp tác HĐ khởi kiện buộc ông L trả số tiền 67.392.000đ (sáu mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tổ hợp tác được thành lập và hoạt động theo đúng chủ trương nhà nước, mức thu phí cũng đã được sự thống nhất của người dân cũng như sự chấp thuận của UBND xã. Vì vậy tổ hợp tác giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và từ năm 2020 về sau vẫn sẽ tiếp tục hoạt động phục vụ tưới tiêu theo chủ trương Nhà nước.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện L trình bày: Ông xác định ông có canh tác diện tích đất 41.600m² tọa lạc ấp LC, xã TMT thuộc khu vực do tổ hợp tác HĐ phụ trách phục vụ tưới tiêu.

Từ khi tổ hợp tác thành lập cho đến năm 2014 thì ông đều đóng phí đầy đủ cả 3 vụ, đến năm 2014 do giá thành phục vụ tưới tiêu của tổ hợp tác cao nên ông thương lượng xin giảm giá thành nhưng phía tổ hợp tác không đồng ý. Khi đó ông tự trang bị máy bơm, bơm nước từ kênh 12 ra vào đất ruộng, nước kênh 12 là do tổ hợp tác bơm từ sông lớn vào. Và từ năm 2014 thì ông chỉ đóng tiền phí của vụ 3, do vụ 3 để tổ hợp tác tự điều tiết, ông gác máy lên không tự bơm nước ra vào.

Do ông không đồng ý với giá thành nên ông đặt máy bơm, nếu ông không đặt máy bơm thì việc tổ hợp tác bơm nước vào kênh 12, ông vẫn sử dụng được, vẫn canh tác được bình thường. Vì muốn có sự rạch ròi nên ông đắp đường nước từ

kênh 12 vào ruộng ông, không để cho nước tự chảy ra vào từ kênh 12 vào đất ruộng nữa mà ông sử dụng máy bơm ra vào riêng.

Trước khi thành lập tổ hợp tác thì nước từ sông tự chảy ra vào theo con nước lớn ròng, nhưng sau sự cố vỡ đê thì mới đắp đê, tiền đắp đê cũng do người dân đóng góp, phía tổ hợp tác chỉ trang bị thiết bị vật tư và nhiên liệu để bơm nước từ sông lớn ra vào kênh 12.

Nay với yêu cầu khởi kiện của tổ hợp tác, ông không đồng ý trả số tiền 67.392.000đ (sáu mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn đồng), do ông đã tự đầu tư thiết bị, nhiên liệu để bơm của 2 vụ này, ông xác định ông không có đóng tiền vụ 1, vụ 2 từ năm 2014 cho đến nay. Ông yêu cầu được thương lượng giá thành là 100.000đ/1.000m²/vụ thì ông đồng ý đóng cả 3 vụ/năm và thống nhất thực hiện từ đây về sau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2020/DS-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện CP đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn M, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn B, ông Diệp Khắc C, ông Nguyễn Văn N.

Buộc ông Nguyễn Thiện L có nghĩa vụ trả cho ông Lương Văn M, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn B, ông Diệp Khắc C, ông Nguyễn Văn N số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng)

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/6/2020, ông Nguyễn Thiện L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CP.

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bị đơn kháng cáo phát biểu ý kiến: việc bị đơn đặt máy bơm nước Tổ hợp tác không có ý kiến hay phản đối gì; Tổ hợp tác hoạt động không có quy chế cụ thể; Tổ hợp tác không có ký kết gì với ông L trong việc tự bơm nước lên ruộng; bị đơn đặt máy bơm từ nguồn nước của thiên nhiên, chứ không phải nước từ Kênh 12; Tổ hợp tác cũng không đáp ứng được nước tưới tiêu; nên không chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn;

Nguyên đơn phát biểu ý kiến: Không tranh luận, nhưng vẫn tự nguyện bớt thêm cho bị đơn 5.000.000đ; còn lại bị đơn phải trả cho Tổ hợp tác số tiền 55.000.000đ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu 67.392.000đ, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bớt 7.392.000đ, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000đ là có căn cứ; bị đơn kháng cáo nhưng không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn tiếp tục tự nguyện bớt thêm 5.000.000đ, đây là sự tự nguyện không trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này sửa án sơ thẩm, buộc ông L trả cho nguyên đơn số tiền 55.000.000đ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thiện L nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thiện L cùng chứng cứ, lời khai của các đương sự thì thấy,

[3.1] Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã TMT về việc kiện toàn thành viên Tổ hợp tác tưới tiêu HĐ; tại Điều 2 của Quyết định có nêu: “Tổ hợp tác tưới tiêu HĐ (sau đây viết tắt THT- HĐ) có nhiệm vụ “Bơm nước tưới tiêu đảm bảo cho phục vụ sản xuất nông nghiệp tiểu vùng Kênh 11 - Kênh 13 – Nam VT – Bắc Kênh 10 CP thuộc ấp LC và BX”;

[3.2] Tại Quy chế tổ chức, hoạt động của THT - HĐ cũng có nêu hoạt động chính là tổ chức hoạt động dịch vụ bơm nước tưới tiêu các tiểu vùng Kênh 11 đến Kênh 13, Nam kênh TT đến Bắc kênh 10 CP;

[3.3] Biên bản làm việc ngày 26/12/2019, tại Ủy ban nhân dân xã TMT liên quan giữa THT-HĐ với ông Nguyễn Thiện L, Ủy ban nhân dân xã TMT có ý kiến: THT - HĐ phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp trong tiểu vùng Kênh 11 - Kênh 13 – Nam VT – Bắc Kênh 10 CP; tổng diện tích trên 600 hecta, tất cả các hộ dân có đất sản xuất đều nộp tiền đầy đủ cho Tổ hợp tác. Do đó, yêu cầu ông Nguyễn Thiện L có nghĩa vụ nộp tiền lúa nước cho Tổ hợp tác theo quy định như các hộ khác cho đảm bảo sự công bằng;

[3.4] Ông Nguyễn Thiện L thừa nhận, ông có canh tác 41.600m² đất lúa tọa lạc ấp LC, xã TMT thuộc khu vực do THT-HĐ phụ trách tưới tiêu, từ khi thành lập năm 2011 cho đến năm 2014 ông L đều đóng phí đầy đủ; đến năm 2014 do thấy giá phí cao nên ông xin giảm giá nhưng Tổ hợp tác không đồng ý, nên ông L tự trang bị bơm nước; ông L cũng thừa nhận là bơm nước từ Kênh 12 vào đất ruộng, mà

nước kênh 12 là do Tổ hợp tác bơm nước từ sông lớn vào; ông L cho rằng giá thành do tổ hợp tác thu phí là cao nên tự ý đắp đất ngăn nước do tổ hợp tác bơm chảy vào đất ruộng và lắp đặt máy bơm tự bơm nước vụ đông xuân và hè thu nên không đồng ý đóng phí cho tổ hợp tác.

[3.5] Tại Công văn số 15/UBND ngày 25/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã TMT trả lời:

- Không có trường hợp nào được Ủy ban nhân dân xã hay Tổ hợp tác HĐ cho tưới tiêu riêng lẻ, mà thống nhất giao cho THT-HĐ phục vụ tưới tiêu chung cho cả tiểu vùng sản xuất vụ 3;

- Phần đất ông Nguyễn Thiện L canh tác nằm trong tiểu vùng do THT-HĐ phụ vụ tưới tiêu, thuộc diện tưới tiêu cấp 1, hàng năm phải nộp phí dịch vụ tưới tiêu là 03 vụ/ năm (Đông - Xuân; Hè – Thu và Thu – Đông);

- Mức thu của THT- HĐ mỗi vụ tính từ năm 2014 đến nay gồm: Đông - Xuân 135.000đ/1000m²/vụ; Hè - Thu 135.000đ/1000m²/vụ và Thu - Đông 155.000đ/1000m²/vụ;

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm,

[4.1] Chính ông L thừa nhận có canh tác trong tiểu vùng do THT-HĐ bơm nước; ngay từ đầu năm 2011 cũng có hợp các hộ dân để thống nhất giá phí bơm nước; Tuy nhiên cả nguyên đơn, bị đơn đều khai thống nhất bắt đầu từ năm 2014 mới tăng lên thêm 15.000đ/công/năm, nên ông L mới không chịu đóng phí đến nay;

[4.2] Nguyên đơn khai nếu tính theo giá cũ là Đông - Xuân 130.000đ/1000m²/năm; Hè - Thu 130.000đ/1000m²/vụ và Thu - Đông 150.000đ/1000m²/vụ thì bị đơn cũng còn thiếu hơn 64 triệu đồng và phiên tòa sơ thẩm đã bớt 7.392.000đ; còn 60.000.000đ là đã giảm có lợi cho ông L;

[4.3] Trên cơ sở phân tích của Hội đồng xét xử xét về tình, lý nên nguyên đơn đồng ý bớt thêm cho ông L 5.000.000đ; đây là sự tự nguyện không trái pháp luật có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông L có trách nhiệm trả cho ông THT- HĐ số tiền 55.000.000đ; Đối với lập luận của đại diện theo ủy quyền của bị đơn đưa ra là không có cơ sở; bởi vì đây là dịch vụ tưới tiêu là chủ trương chung của chính quyền địa phương và có quyết định thành lập THT – HĐ; chính ông L thừa nhận tại tòa có hợp dân thống nhất giá từ năm 2011 và ông L có đóng đến năm 2014; bắt đầu năm 2014 tăng giá lên nên ông không đóng 02 vụ; còn vụ Thu – Đông vẫn đóng cho đến nay; như vậy, nếu tính theo giá cũ đi chăng nữa thì số tiền mà Tổ hợp tác đòi cũng thấp hơn so với giá ban đầu mà chính ông L đã chấp nhận đóng hơn 03 năm qua; Do đó số tiền nguyên đơn yêu cầu trả còn 55.000.000đ là phù hợp; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; thống nhất sửa án sơ thẩm theo đề nghị của Viện kiểm sát;

[5] Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông L không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1, 2 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 101, 513, 515, 519, 668 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thiện L.

Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm bớt cho bị đơn 5.000.000đ.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2020/DS-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện CP.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn M, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn B, ông Diệp Khắc C và ông Nguyễn Văn N.

2. Buộc ông Nguyễn Thiện L có nghĩa vụ trả cho ông Lương Văn M, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn B, ông Diệp Khắc C và ông Nguyễn Văn N số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng)

3. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thiện L có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lương Văn M, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn B, ông Diệp Khắc C, ông Nguyễn Văn N số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thiện L phải chịu 2.750.000đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Lương Văn M, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn B, ông Diệp Khắc C, ông Nguyễn Văn N số tiền 1.685.000đ (một triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006137 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thiện L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003453 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Toà Dân sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn